DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG, LẦN THỨ NHẤT
LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION
(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: 3221 ***/QĐ – VPCNCLQG ngày*** 26 ***tháng*** 10 ***năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh**
Laboratory:	***Ho Chi Minh City Centre for the Quality Control of Food, Drug and Cosmetics - Facilities***
Tổ chức/Cơ quan chủ quản:	**Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh**
Organization:	***Ho Chi Minh City Centre for the Quality Control of Food, Drug and Cosmetics***
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS 230**
Chuẩn mực công nhận *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Dược, Hóa, Sinh**
Field:	***Pharmaceutical, Chemical, Biological***
Người quản lý:	**Phạm Văn Sơn**
Laboratory manager:	***Phạm Văn Sơn***
Hiệu lực công nhận *Period of Validation:*	**Từ ngày/*From*** 26 / 10 **/2026 đến ngày/*to* 01/08/2030**
Địa chỉ: *Address*:	**Cơ sở 1 (Trụ sở chính): 45 Nguyễn Văn Tráng, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh** ***Facility 1 (Headquarters): 45 Nguyen Van Trang Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City*** **Cơ sở 2: 53 - 55 Lê Thị Riêng, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh** ***Facility 2: 53-55 Le Thi Rieng Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City***
Địa điểm: *Location:*	**Cơ sở 1 (Trụ sở chính): 45 Nguyễn Văn Tráng, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh** ***Facility 1 (Headquarters): 45 Nguyen Van Trang Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City*** **Cơ sở 2: 53 – 55 Lê Thị Riêng, phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh** ***Facility 2: 53-55 Le Thi Rieng Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City***
Điện thoại/ *Tel*:	**028-38 395 702**
Email:	**lienhe@kiemnghiemhcm.gov.vn**
Website:	**kiemnghiemhcm.gov.vn**

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa
Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên** ***Bottled drinking water, natural mineral water***	Xác định hàm lượng các ion F^-, Cl^-, NO_2^-, NO_3^-, Br^-, SO_4^{2-} và PO_4^{3-}(b) Phương pháp sắc ký ion đầu dò độ dẫn *Determination of F^-, Cl^-, NO_2^-, NO_3^-, Br^-, SO_4^{2-} and PO_4^{3-} content* *IC-ED method*	F^-, Cl^-, NO_2^-, NO_3^-, Br^-: 0,6 mg/L SO_4^{2-}: 10 mg/L PO_4^{3-}: 30 mg/L	**(b)** SOP/AA/7.2/174 (2026)
2.	**Thực phẩm bảo vệ sức khỏe (dạng rắn)** ***Health supplements (solid)***	Xác định hàm lượng Paracetamol, Prednisone, Methylprednisolone, Betamethasone, Dexamethasone, Piroxicam, Meloxicam, Ketoprofen, Dexamethasone acetate, Aceclofenac, Diclofenac, Ibuprofen, Acid mefenamic Phương pháp HPLC/UV-VIS *Determination of Paracetamol, Prednisone, Methylprednisolone, Betamethasone, Dexamethasone, Piroxicam, Meloxicam, Ketoprofen, Dexamethasone acetate, Aceclofenac, Diclofenac, Ibuprofen, Mefenamic acid* *HPLC/UV-VIS method*	25 mg/kg mỗi chất *(each compound)*	**(b)** SOP/AA/7.2/148 (2025)
3.	**Thực phẩm bảo vệ sức khỏe** ***Health supplements***	Xác định hàm lượng các vitamin: B5 (acid pantothenic, calci pantothenat), B9 (acid folic), B12 (cyanocobalamin) Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV/VIS *Determination of Vitamins: B5 (pantothenic acid, calcium pantothenate), B9 (folic acid), B12 (cyanocobalamin) content* *HPLC – UV/VIS method*	(a) B5: 25 mg/kg B9, B12: 2,5 mg/kg	SOP/AA/7.2/56 (2026)

Chú thích/*Note*:

- SOP/AA/7.2/…: Phương pháp do phòng thí nghiệm xây dựng/ *Laboratory developed method*
- (a) Phương pháp thử có cập nhật LOQ/ *Update the LOQ value of the test method accredited pursuant to Decision No. 2071/QĐ-VPCNCLQG dated August 1, 2025*
- (b) Phương pháp thử mở rộng 10/2026/ *Expansion method in October, 2026.*

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh
Field of testing: Biological

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Thực phẩm bảo vệ sức khỏe chỉ chứa các probiotic** ***Live biotherapeutic products***	Định lượng tổng số vi sinh vật hiếu khí (không bao gồm chủng nấm men) Kỹ thuật đếm khuẩn lạc-đổ đĩa *Enumeration of total aerobic microorganisms (excluding yeasts)* *Colony-count technique – pour plate*		(b) Dược điển Châu Âu bản bổ sung 9.7, phụ lục 2.6.36 *European Pharmacopoeia 9.7, Appendix 2.6.36*
2.		Định lượng vi khuẩn không sinh acid lactic Kỹ thuật đếm khuẩn lạc -đổ đĩa *Enumeration of non-lactic acid bacteria* *Colony-count technique -pour plate*		(b) Dược điển Châu Âu bản bổ sung 9.7, phụ lục 2.6.36 *European Pharmacopoeia 9.7, Appendix 2.6.36*
3.	**Thực phẩm bảo vệ sức khỏe có bổ sung probiotic, sữa và sản phẩm sữa** ***Probiotic supplements, milk and dairy products***	Định lượng *Bifidobacterium* spp. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc *Enumeration of Bifidobacterium* spp. *Colony-count technique*		(b) ISO 29981:2024
4.		Định lượng *Lactobacillus acidophillus* giả định Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 37 ^{o}C *Enumeration of presumptive Lactobacillus acidophillus* *Colony-count technique at 37 ^{o}C*		(b) TCVN 7849:2008 ISO 20128:2006

Chú thích/*Note*:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/*Vietnamese Standard*
- ISO: Tổ chức tiêu chuẩn hóa Quốc tế/*International Organization for Standardization*
- (b) Phương pháp thử mở rộng 10/2026/*Expansion method in Oct., 2026.*

Trường hợp Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký

hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Ho Chi Minh City Centre for the Quality Control of Food, Drug and Cosmetics that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*